TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA KAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:14/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25/4/2022
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Hồ Thị Thu Ba.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Nik Êban.

2. Ông Lê Khắc Dũng.

- *T ký phiên tòa*: Ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa*: Có văn bản không tham gia vì không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 01/2022/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Anh T, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Số 20 T, phường L, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Khối 3, thị trấn E, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện ghi ngày 16/12/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị Anh T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi (T) và ông Nguyễn Ngọc T1 sau một thời gian tìm hiểu thì có nguyện vọng chung sống, kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn E, huyện EK, được cấp giấy chứng nhận kết hôn

ngày 21/6/2013, trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hòa hợp, ông T1 không quan tâm và chăm sóc cho gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, không tôn trọng nhau và xô xác với nhau mặc dù gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không được. Đến năm 2017 thì chúng tôi ly thân cho đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên tôi yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T1.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng tôi có 01 con chung: Nguyễn Phương T3, sinh ngày 01/01/2017. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: tôi không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ghi ngày 09/3/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Ngọc T1 trình bày:

Về hôn nhân: Thừa nhận thời gian chung sống và đăng ký kết hôn bà Phan Thị Anh T trình bày là đúng. Chúng tôi kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung nên hay xảy ra cãi nhau, xích mích, không tôn trọng nhau trong cuộc sống. Mặc dù, hai bên gia đình đã động viên nhiều lần nhưng vợ chồng tôi không thể hàn gắn được nên ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay. Xét thấy tình cảm không còn nên bà Phan Thị Anh T làm đơn xin ly hôn với tôi thì tôi đồng ý lý hôn.

Về con chung: Tôi (T1) và bà T có 01 con chung: Nguyễn Phương T3, sinh ngày 01/01/2017. Tôi đồng ý giao con chung cho bà T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thảo luận đánh giá tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Phan Thị Anh T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T1. Đây là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là có căn cứ phù hợp với Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; điểm a, b Khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét lời khai của đương sự và tài liệu trong hồ sơ vụ án, xác định: bà Phan Thị Anh T và ông Nguyễn Ngọc T1 tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 21/6/2013 (được cấp giấy chứng nhận kết hôn lưu hồ sơ vụ án) nên hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của các đương sự trong quá trình thu thập chứng cứ xác định: bà T và ông T1 chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, kéo dài. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung nên Tòng xuyên xảy ra cãi nhau, xích mích trong cuộc sống, không tôn trọng nhau. Mặc dù, gia đình đã hòa giải nhưng không thành mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. Đến năm 2017 thì ly thân nhau cho đến nay. Như vậy, xét tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T và ông T1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Phan Thị Anh T là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[2] *Về con chung:* Xét lời khai của đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án các đương sự thống nhất: Giao con chung Nguyễn Phương T3, sinh ngày 01/01/2017 cho bà Phan Thị Anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử nhận thấy nguyện vọng của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ và phù hợp với các Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[3] *Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung:* Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Ông Nguyễn Ngọc T1 có quyền đi lại thăm nom con chung và không bị cản trở. Tuy nhiên, ông T1 không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không kê khai. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội: Nguyên đơn bà Phan Thị Anh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do bà Hà Thị Thảo nộp thay tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/0005767 ngày 07/01/2022.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; điểm a, b Khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội.

1. *Về hôn nhân:* Tuyên xử bà Phan Thị Anh T được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T1.

2. *Về con chung:*: Giao con chung Nguyễn Phương T3, sinh ngày 01/01/2017 cho bà Phan Thị Anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Ông Nguyễn Ngọc T1 có quyền đi lại thăm nom con chung và không bị cản trở. Tuy nhiên, ông T1 không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Phan Thị Anh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do bà Hà Thị Thảo nộp thay tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/0005767 ngày 07/01/2022.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Thu Ba

<u>Nơi nhận</u>:
-Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar;
-Chi cục THADS huyện Ea Kar;
- UBND TT EK;
-Các đương sự;
-Lưu HS, VP.